

Số: 217/QĐ-TCNLN

Bình Dương, ngày 16 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận học sinh/ học viên đủ điều kiện, không đủ điều kiện
dự thi tốt nghiệp đợt 1 năm 2023
Khóa 38, lớp TY26, lớp KT02, lớp DC11 và khóa cũ**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG CẤP NÔNG LÂM NGHIỆP

*Căn cứ Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH, ngày 21/10/2021 của Bộ Lao động
Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường trung cấp;*

*Căn cứ Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động
Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ
trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun
hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư 31/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 28/12/2017 của Bộ Lao động
Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp theo
hình thức đào tạo vừa làm vừa học;*

*Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ Lao động -
Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 42/2015/TT-
BLĐTBXH ngày 20/10/2015 quy định về đào tạo trình độ sơ cấp, Thông tư số
43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 quy định về đào tạo thường xuyên, Thông tư
số 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo
dục nghề nghiệp, Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 quy định chuẩn
về chuyên môn, nghiệp vụ đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, Thông tư số
10/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp,
cao đẳng; việc in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao
đẳng và Thông tư số 31/2017/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2017 quy định về đào tạo
trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp theo hình thức đào tạo vừa làm vừa học;*

*Căn cứ Quyết định số 348/QĐ-TCNL ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Trường
Trung cấp Nông Lâm nghiệp Bình Dương ban hành Quy chế tổ chức thực hiện chương
trình đào tạo trình độ theo niên chế; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;*

*Căn cứ vào kết quả biên bản họp Hội đồng xét điều kiện dự thi tốt nghiệp đợt 1
năm 2023 ngày 16/5/2023;*

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thi tốt nghiệp nghiệp đợt 1 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 101 học sinh/ học viên khóa 38, lớp TY26, lớp KT02, lớp
DC11 và khóa cũ các ngành đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp đợt 1 năm 2023 (có danh
sách kèm theo).



Điều 2. Không công nhận đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp cho 33 học sinh/ học viên khóa 38, lớp KT02 và DC11 do nợ môn học (có danh sách kèm theo).

Điều 3. Miễn thi tốt nghiệp môn Chính trị cho 03 học viên theo quyết định số 237/QĐ-TCNLN, ngày 10/5/2023 về việc miễn thi tốt nghiệp môn Chính trị cho học viên Chăn nuôi thú y 26, Kế toán 2 của Hiệu trưởng trường Trung cấp Nông lâm nghiệp.

Điều 4. Những học sinh/ học viên có tên ở điều 1, điều 2 và điều 3 được hưởng mọi quyền lợi, chế độ theo quy định hiện hành.

Điều 5. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo, trưởng các đơn vị có liên quan và những học sinh/học viên có tên trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Sở LD TB&XH (để b/c);
- Đăng website;
- Gửi mail toàn trường;
- Lưu: VT, ĐT.



Phan Thanh Hà



TRƯỜNG TC NÔNG LÂM NGHIỆP

**DANH SÁCH HỌC SINH/ HỌC VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI TỐT NGHIỆP - ĐỢT 1 NĂM 2023
KHÓA 38; LỚP TY 26, LỚP KT 02, LỚP DC 11 VÀ KHÓA CŨ**

(Kèm theo Quyết định số 247 /QĐ-TCNLN, ngày 16 tháng 5 năm 2023
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Nông Lâm nghiệp)

Stt	Lớp	Mã SV	Họ và	tên	TBC	Ghi chú
A. CHÍNH QUY KHÓA 38: 46						
I. NGÀNH CHĂN NUÔI-THÚ Y: 9						
1	38A2	CQ21A2001	Nguyễn Ngọc	Anh	6,7	
2	38A2	CQ21A2037	Nguyễn Văn	Cương	7,4	
3	38A2	CQ21A2007	Tô Thanh	Đông	7,5	
4	38A2	CQ21A2018	Bùi Trọng	Phúc	6,8	
5	38A2	CQ21A2019	Võ Thị Ngọc	Phương	7,7	
6	38A2	CQ21A2020	Danh Bùi Thành	Quang	7,3	
7	38A2	CQ21A2027	Bùi Thị Tố	Uyên	7,3	
8	38A2	CQ21A2028	Lê Thị Cẩm	Vân	7,3	
9	38A2	CQ21A2031	Nguyễn Đặng Thúy	Vy	8,1	
II. TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT: 1						
1	38B2	CQ21B2001	Phạm Hữu	Bằng	6,5	
III. KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP: 6						
1	38C2	CQ21C2006	Ngô Công	Đạt	7,5	
2	38C2	CQ21C2013	Nguyễn Thị Trúc	Linh	7,5	
3	38C2	CQ21C2022	Dư Duy	Phú	6,7	
4	38C2	CQ21C2026	Lê Thị Hồng	Thắm	7,9	
5	38C2	CQ21C2039	Phạm Thị Ngọc	Thảo	8,1	
6	38C2	CQ21C2031	Hà Chánh	Thy	8,2	
IV. QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI: 6						
1	38D2	CQ21D2003	Trịnh Huỳnh Khánh	Duy	7,9	
2	38D2	CQ21D2005	Võ Đức	Hải	7,0	
3	38D2	CQ21D2006	Lâm Thị Ngọc	Hoa	8,3	
4	38D2	CQ21D2010	Nguyễn Trang Hồng	Ngọc	7,5	
5	38D2	CQ21D2014	Bùi Quang	Thắng	8,4	
6	38D2	CQ21D2021	Nguyễn Hữu	Thắng	7,9	

Stt	Lớp	Mã SV	Họ và	tên	TBC	Ghi chú
V. QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG: 4						
1	38F2	CQ21F2002	Nguyễn Tấn	Đạt	7,3	
2	38F2	CQ21F2004	Lý Thị Hồng	Loan	7,8	
3	38F2	CQ21F2005	Nguyễn Bình	Phước	7,1	
4	38F2	CQ21F2009	Lê Thị Hồng	Vân	7,6	
VI. TIN HỌC ỨNG DỤNG: 11						
1	38H2	CQ21H2002	Lâm Gia	Bảo	6,8	
2	38H2	CQ21H2007	Trần Khánh	Duy	7,4	
3	38H2	CQ21H2022	Trần Nhật	Nam	7,7	
4	38H2	CQ21H2024	Nguyễn Hữu	Nghĩa	9,5	
5	38H2	CQ21H2026	Nguyễn Ngọc	Phú	7,0	
6	38H2	CQ21H2028	Nguyễn Thị Tú	Quyên	7,2	
7	38H2	CQ21H2036	Phan Minh	Thái	6,2	
8	38H2	CQ21H2037	Vũ Đức	Thái	8,4	
9	38H2	CQ21H2033	Lê Anh	Tuấn	7,1	
10	38H2	CQ21H2045	Đỗ Nhật Tường	Vi	6,9	
11	38H2	CQ21H2046	Hán Văn	Việt	7,4	
VII. MARKETING: 9						
1	38M2	CQ21M2006	Nguyễn Quốc	Huy	6,8	
2	38M2	CQ21M2016	Đoàn Tấn	Phát	7,6	
3	38M2	CQ21M2018	Trần Trọng	Quang	7,2	
4	38M2	CQ16A2029	Phạm Văn	Sỹ	6,7	
5	38M2	CQ21M2026	Huỳnh Thị Diễm	Trinh	7,0	
6	38M2	CQ21M2028	Nguyễn Văn	Trường	7,2	
7	38M2	CQ21M2020	Lê Hoàng Nhật	Tú	7,6	
8	38M2	CQ21M2029	Trần Thị Thùy	Vân	7,0	
9	38M2	CQ21M2030	Võ Nhã	Vi	7,6	
B. VỪA LÀM VỪA HỌC: 22						
I. CHĂN NUÔI-THÚ Y: 10						
1	TY26	TC18A1002	Giảng Ché Quốc	Cương	6,8	
2	TY26	TC21A2602	Nguyễn Văn	Được	7,8	
3	TY26	TC21A2601	Nguyễn Huỳnh Kim	Duyên	7,7	
4	TY26	TC21A2603	Nguyễn Hoàng	Long	7,3	
5	TY26	TC21A2605	Bùi Đức	Nam	6,7	
6	TY26	TC21A2606	Trương Thiệu	Tâm	7,8	
7	TY26	TC21A2607	Nguyễn Hoàng Ngọc	Thạch	7,6	Miễn thi môn Chính trị theo QĐ số 237/QĐ-TCNLN, ngày 10/5/2023 của Hiệu trưởng Trường TC Nông lâm nghiệp

Stt	Lớp	Mã SV	Họ và tên	TBC	Ghi chú
8	TY26	TC21A2609	Nguyễn Thị Hồng Thắm	7,5	Miễn thi môn Chính trị theo QĐ số 237/QĐ-TCNLN, ngày 10/5/2023 của Hiệu trưởng Trường TC Nông lâm nghiệp
9	TY26	TC21A2608	Nguyễn Hoàng Băng Thảo	7,7	
10	TY26	TC21A2610	Nguyễn Minh Quốc Việt	7,3	
II. KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP: 6					
1	KT02	TC21C0201	Phan Đình Chiến	8.0	Miễn thi môn Chính trị theo QĐ số 237/QĐ-TCNLN, ngày 10/5/2023 của Hiệu trưởng Trường TC Nông lâm nghiệp
2	KT02	TC21C0202	Phan Thị Kim Ngân	8,7	
3	KT02	TC21C0203	Nguyễn Thị Kim Ngọc	8,3	
4	KT02	TC21C0204	Vũ Thị Nhất	8,7	
5	KT02	TC21C0205	Đặng Thị Bích Phượng	8,2	
6	KT02	TC21C0207	Nguyễn Anh Kim Thùy	8,2	
III. QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI: 6					
1	DC11	TC21D1101	Đinh Thị Kim Chi	7,3	
2	DC11	TC21D1102	Bùi Đặng Đình Đạt	7,0	
3	DC11	TC21D1103	Bùi Ngọc Giang	6,9	
4	DC11	TC21D1106	Lê Phú Lịch	7,3	
5	DC11	TC21D1107	Huỳnh Minh Phương	7,6	
6	DC11	TC21D1111	Huỳnh Khắc Vũ	6,8	
C. KHÓA CŨ: 33					
1	36A2	CQ19A2001	Nguyễn Thế Thái Bảo	6,8	LẦN 1
2	36A2	CQ18A2020	Trần Thành Long	6,1	LẦN 1
3	36A2	CQ19A2014	Hồ Yến Nhi	6,4	LẦN 1
4	36A2	CQ16A2025	Nguyễn Cao Phước	6,6	LẦN 1
5	36B2	CQ19B2007	Phạm Đình Phú Quý	6,4	Thi lại LTTH
6	36C2	CQ19C2029	Lữ Điền Phát	6,9	LẦN 1
7	36C2	CQ19C3033	Bồ Thị Ngọc Trâm	6,8	LẦN 1
8	36C3	CQ19C3014	Tô Thị Khánh Ly	6,5	Thi lại LTTH
9	36C3	CQ19C2031	Nguyễn Thị Kim Sang	6,3	Thi lại LTTH
10	37A1	CQ18A1003	Hồ Phi Trường	7,7	LẦN 1
11	37A2	CQ20A2017	Lê Minh Quân	6,4	LẦN 1
12	37A2	CQ20A2024	Bùi Viết Trường	6,6	LẦN 1
13	37B1	CQ20B1004	Lê Tiến Dũng	7,3	LẦN 1
14	36B2	CQ19H3007	Phan Gia Hy	6,4	Thi lại LTTH
15	37C2	CQ20C2001	Lưu Minh Anh	6,4	Thi lại LTTH
16	37C2	CQ20C2002	Nguyễn Thị Kim Anh	6,8	LẦN 1
17	37C2	CQ20C2003	Đậu Kim Chi	6,7	LẦN 1
18	37C2	CQ20C2004	Nguyễn Thị Kim Chi	6,6	Thi lại LTTH

Stt	Lớp	Mã SV	Họ và	tên	TBC	Ghi chú
19	37C2	CQ20C2012	Lê Thị Ngọc	Huyền	6,8	LẦN 1
20	37C2	CQ20C2016	Võ Ngọc Kim	Ngân	6,8	Thi lại LTTH
21	37C2	CQ20C2018	Dương Anh	Nhi	6,9	LẦN 1
22	37C3	CQ19C2028	Nguyễn Đoàn Thanh	Như	6,7	Thi lại LTTH
23	37C3	CQ20C3012	Mai Lệ	Thùy	6,2	Thi lại LTTH
24	37C3	CQ20C3015	Nguyễn Ngọc Lan	Vi	6,6	Thi lại LTTH
25	37D1	CQ20D1003	Trần Thị Duy	Hào	6,3	Thi lại Chính trị và LTTH
26	37D2	CQ20D2008	Nguyễn Hoài Bảo	Ngọc	6,4	LẦN 1
27	37E2	CQ20E2015	Nguyễn Hoàng	Phi	7,1	Thi lại chính trị
28	37H3	CQ20H3016	Phạm Quốc	Thắng	6,9	LẦN 1
29	37M2	CQ20M2002	Tô Hoài	Bảo	7,2	LẦN 1
30	37M2	CQ20M2009	Nguyễn Hoàng Trung	Hiếu	7,7	LẦN 1
31	37M2	CQ20M2025	Huỳnh Võ Thúy	Vy	7,4	LẦN 1
32	TY25	TC20A2502	Lương Quốc	Chung	6,4	LẦN 1
33	TY25	TC20A2506	Phạm Văn	Đạt	6,2	LẦN 1

Danh sách này có: 101 học sinh

LẬP BẢNG

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO



Nguyễn Thị Dung



Dương Đình Linh

HIỆU TRƯỞNG



Phan Thanh Hà

TRƯỜNG TC NÔNG LÂM NGHIỆP

DANH SÁCH HỌC SINH/HỌC VIÊN KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI TỐT NGHIỆP - ĐỢT 1 NĂM 2023
KHÓA 38; LỚP TY 26, LỚP KT 02, LỚP DC 11 VÀ KHÓA CỬ

(Kèm theo Quyết định số 247/QĐ-TCNLN, ngày 16 tháng 5 năm 2023
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Nông lâm nghiệp)

Stt	Lớp	Mã SV	Họ và tên	TBC	Số môn nợ	Môn nợ (Thi, TKM)/ Thi lại tốt nghiệp	Ghi chú
A. CHÍNH QUY KHÓA 38: 30							
I. NGÀNH CHĂN NUÔI-THÚ Y:							
1	38A2	CQ21A2014	Vũ Tuấn Minh	5,8	1	Bệnh ngoại sản khoa (0)	
2	38A2	CQ21A2026	Phạm Xuân Trí	6,9	1	Pháp luật (0)	
3	38A2	CQ21A2035	Vì Thị Châm	6,9	2	Giống và Kỹ thuật truyền giống (1.9); Vi sinh vật thú y (0)	
4	38A2	CQ21A2008	Lê Văn Hai	6,1	2	Rèn nghề thú y (0); Thực tập tốt nghiệp (0)	
5	38A2	CQ21A2009	Lê Hữu Hậu	6,0	2	Dược lý thú y (4.6); Tiếng Anh (4.3)	
6	38A2	CQ21A2002	Nguyễn Gia Bảo	5,2	3	Chăn nuôi heo (2.4); Rèn nghề thú y (0); Thực tập tốt nghiệp (0)	
7	38A2	CQ21A2003	Phạm Gia Bảo	5,3	3	Dược lý thú y (4.5); Rèn nghề thú y (0); Thực tập tốt nghiệp (0)	
8	38A2	CQ21A2036	Thái Quốc Kiệt	5,9	5	Bệnh ngoại sản khoa (0); Chăn nuôi gia cầm (4.5); Chính trị (0); Dược lý thú y (4.8); Giống và Kỹ thuật truyền giống (0)	
9	38A2	CQ21A2021	Trần Bảo Quốc	3,8	9	Bệnh Ký sinh trùng (4.6); Bệnh ngoại sản khoa (0); Dược lý thú y (0); Giống và Kỹ thuật truyền giống (0); Nốt chẩn (chẩn đoán và bệnh nội khoa) (4.6); Rèn nghề thú y (0); Thực tập tốt nghiệp (0); Tiếng Anh (0.3); Tin học (2.2)	
10	38A2	CQ21A2004	Trần Đình Chiến	3,2	13	Bệnh Ký sinh trùng (0); Bệnh truyền nhiễm (0); Chăn nuôi heo (2.8); Chăn nuôi thú nhai lại (2.7); Giáo dục thể chất (0); Luật thú y & kiểm nghiệm thú sản (0); Môi trường và ATSH trong CNTY (0); Nội chẩn (chẩn đoán và bệnh nội khoa) (0); Nuôi dưỡng & phòng bệnh cho thú cưng (0); Quan lý trang trại (3.6); Rèn nghề thú y (0); Thực tập tốt nghiệp (0); Tiếng Anh (2.6)	
11	38A2	CQ19A1010	Nguyễn Tân Tiến	2,8	15	Bệnh Ký sinh trùng (0); Bệnh ngoại sản khoa (0); Bệnh truyền nhiễm (0); Chăn nuôi heo (1.7); Chăn nuôi thú nhai lại (0); Giải phẫu-Sinh lý vật nuôi (3.4); Giống và Kỹ thuật truyền giống (0); Luật thú y & kiểm nghiệm thú sản (0); Môi trường và ATSH trong CNTY (0); Nội chẩn (chẩn đoán và bệnh nội khoa) (0); Nuôi dưỡng & phòng bệnh cho thú cưng (0); Quan lý trang trại (0); Rèn nghề thú y (0); Thực tập tốt nghiệp (0); Vi sinh vật thú y (1.6)	

Stt	Lớp	Mã SV	Họ và tên	TBC	Số môn nợ	Môn học (Thi, TKM)/ Thi lại tốt nghiệp	Ghi chú
II. TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT: 1							
1	38B2	CQ21B2006	Nguyễn Văn Trọng	5,7	2	Thực tập tốt nghiệp (0); Tin học (1.7)	
III. KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP: 5							
1	38C2	CQ21C2005	Võ Anh Dũng	7,1	1	Tin học (4.4)	
2	38C2	CQ21C2034	Nguyễn Thị Huyền Trang	6,3	1	Tin học (2.9)	
3	38C2	CQ21C2012	Hoàng Thị Phương Linh	5,8	2	Kế toán doanh nghiệp 1 (4.9); Tin học (4.7)	
4	38C2	CQ21C2037	Nguyễn Ngọc Bích Quỳ	6,4	4	Chính trị (0); Kế toán doanh nghiệp 1 (4.3); Pháp luật (3.6); Tiếng Anh (0)	
5	38C2	CQ21C2040	Võ Văn Trung	2,1	17	Chính trị (0); Giáo dục Quốc phòng-An ninh (0); Giáo dục thể chất (0); Kế toán doanh nghiệp 1 (0); Luật kinh tế (0); Lý thuyết kế toán (0); Lý thuyết thống kê (2.1); Pháp luật (3.2); Rèn nghề Kế khai thuế doanh nghiệp (0); Rèn nghề Kế toán trong DNSX (0); Rèn nghề Tin học kế toán (0); Soạn thảo văn bản (2.4); Thống kê doanh nghiệp (0); Thực tập tốt nghiệp (0); Tiếng Anh (0); Tin học (0); Tin học kế toán (0)	
IV. TIN HỌC ỨNG DỤNG: 11							
1	38H2	CQ21H2010	Nguyễn Văn Hải	5,9	1	Thực tập tốt nghiệp (1.6)	
2	38H2	CQ21H2016	Vũ Khánh Linh	6,8	1	Thiết kế website (1.9)	
3	38H2	CQ21H2017	Trần Đức Long	6,7	1	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin (4.9)	
4	38H2	CQ21H2018	Trần Đức Lương	6,3	1	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin (4.2)	
5	38H2	CQ21H2006	Vũ Văn Bình	6,0	2	Rèn nghề Mạng máy tính (1.7); Thực tập tốt nghiệp (0)	
6	38H2	CQ21H2011	Nguyễn Nhật Hoài	5,6	2	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin (4.8); Thực tập tốt nghiệp (0)	
7	38H2	CQ21H2015	Trần Nguyễn Anh Khôi	5,0	3	Rèn nghề Mạng máy tính (0); Rèn nghề Web (0); Thực tập tốt nghiệp (0)	
8	38H2	CQ21E2005	Nguyễn Anh Tuấn	5,6	3	Pháp luật (0); Rèn nghề Web (0); Thực tập tốt nghiệp (3.1)	
9	38H2	CQ21H2038	Nguyễn Minh Thiện	4,9	6	Cơ sở dữ liệu - Access (4.5); Rèn nghề Mạng máy tính (1.7); Rèn nghề Web (0); Thiết kế website (1.9); Thực tập tốt nghiệp (0); Tiếng Anh (4.6)	
10	38H2	CQ21H2027	Đặng Ngọc Quang	4,5	7	Cơ sở dữ liệu - Access (4.3); Phân tích thiết kế hệ thống thông tin (0.4); Rèn nghề Đồ họa (0); Rèn nghề Mạng máy tính (0); Rèn nghề Web (0); Thiết kế website (1.9); Thực tập tốt nghiệp (0)	
11	38H2	CQ21H2029	Nguyễn Khánh Sang	2,4	15	Cơ sở dữ liệu - Access (3.5); Corel (0); Hệ quản trị cơ sở dữ liệu (2.4); Lập trình Window Form (2.1); Mạng máy tính (3); Phân tích thiết kế hệ thống thông tin (0.5); PhotoShop (2.8); Rèn nghề Đồ họa (0); Rèn nghề Mạng máy tính (0); Rèn nghề Web (0); Thiết kế website (0.8); Thực tập tốt nghiệp (0); Tiếng Anh (0.8); Tiếng anh chuyên ngành (0.1); Toán rời rạc (2.5)	
V. MARKETING: 2							
1	38M2	CQ21M2015	Trần Hồ Yến Như	5,8	1	Thực tập tốt nghiệp (0)	

Stt	Lớp	Mã SV	Họ và tên	TBC	Số môn nợ	Môn nợ (Thi, TKM)/ Thi lại tốt nghiệp	Ghi chú
2	38M2	CQ21M2011	Ngươn Châu Mừng	4,1	9	Kinh tế vi mô (4.9); Kỹ năng giao tiếp (0.8); Lý thuyết tài chính tiền tệ (4.2); Lý thuyết thống kê (2); Marketing căn bản (2.8); Pháp luật (2.3); Tâm lý marketing (2.5); Thực tập tốt nghiệp (0); Tiếng Anh (1.1)	
B. VỪA LÀM VỪA HỌC: 3							
I. KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP: 1							
1	KT02	TC21C0208	Phạm Thị Mộng Trính	8,1	2	Quản trị doanh nghiệp (0); Thống kê doanh nghiệp (0)	Chưa được học 02 môn do nghỉ thai sản
II. QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI: 3							
1	DC11	TC21D1110	Huỳnh Minh Trung	6,5	1	Thực tập tốt nghiệp (0)	
2	DC11	TC21D1105	Đặng Văn Lâm	5,7	3	Quy hoạch sử dụng đất (2.8); Thực tập tốt nghiệp (0); Tin học chuyên ngành (2.6)	

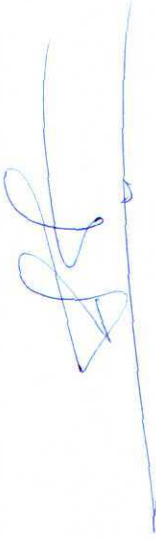
Danh sách này có: 33 học sinh

LẬP BẢNG

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO



Nguyễn Thị Dung



Dương Đình Linh

HIỆU TRƯỞNG



Phan Thanh Hà